

Bản án số: 410/2024/DS-ST  
Ngày 30-12-2024  
V/v "Tranh chấp đòi lại tài sản"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lâm Thành Quang**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Đỗ Quốc Tuấn**
2. Ông **Nguyễn Việt Thắng**

*- Thư ký phiên tòa:* Ông **Huỳnh Hiếu Nghĩa** – Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Đa** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 615/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 344/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1997, địa chỉ cư trú: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1976 (Có mặt), địa chỉ cư trú: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Văn Q**, sinh năm 1998 (Vắng mặt), địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà **Lê Thị T1**, sinh năm 1968 (Có mặt), địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn anh **Trần Văn T** uỷ quyền cho bà **H** trình bày:

Năm 2023 anh Trần Văn T có làm thợ hồ cho anh Huỳnh Văn Q, anh Q có nhờ anh T vay tiền cho anh Q ở Ngân hàng với số tiền 46.000.000 đồng, anh Q có đóng lãi cho Ngân hàng được 02 tháng, sau đó anh Q không đóng lãi cho Ngân hàng nữa.

Đến ngày 21/4/2023 âm lịch anh Q cùng với mẹ ruột là bà T1 viết giấy thừa nhận nợ của anh T số tiền 46.000.000 đồng. Sau khi anh Q nhận nợ đến nay không trả tiền cho Ngân hàng, anh T phải trả nợ thay cho anh Q tiền vốn 46.000.000 đồng và tiền lãi 4.000.000 đồng. Ngoài ra, trong thời gian làm thợ hồ cho anh Q, anh Q còn nợ tiền công của anh T số tiền 3.000.000 đồng. Nay, anh Trần Văn T khởi kiện yêu cầu anh Huỳnh Văn Q trả cho anh T tổng số tiền 53.000.000 đồng.

Đối với bị đơn anh **Huỳnh Văn Q** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Lê Thị T2** vắng mặt.

Vụ án, được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn anh Huỳnh Văn Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T1 vắng mặt.

**Tại phiên toà:** Bà H (được anh T uỷ quyền) xác định, trước đây anh T khởi kiện yêu cầu anh Q trả số tiền 53.000.000 đồng. Tại phiên toà bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh Q trả cho anh T số tiền mà anh T trả thay cho anh Q số tiền 49.309.000 đồng theo Chứng nhận nộp tiền ngày 28/12/2024 của Công ty T3. Đối với bà T1 xác định, việc anh Q có nợ tiền của anh T là nợ cá nhân anh Q, không liên quan gì đến bà. Đối với tờ biên nhận ngày 21/4/2023 âm lịch bà có cùng với anh Q ký tên (tờ biên nhận này bà T1 đã được xem qua).

**\*/ Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát như sau:**

1/ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Riêng, đối với bị đơn đã thực hiện không đúng về quyền và nghĩa vụ của đương sự, do không chấp hành Giấy triệu tập của Tòa án.

2/ Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, buộc anh Q trả cho anh T số tiền 49.309.000 đồng; Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Về tố tụng:**

[1.1] Sự vắng mặt của đương sự: Đối với bị đơn là anh Huỳnh Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cần xét xử vắng mặt đối với anh Q là phù hợp.

[1.2] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà H (được anh T uỷ quyền) xác định, anh Q có nhờ anh T vay tiền giùm cho anh Q tại Công ty T3 là 46.000.000 đồng, nhưng đến nay anh Q không trả nợ cho Công ty nên anh T phải xuất tiền ra để trả thay anh Q với tiền gốc và lãi là 49.309.000 đồng theo Chứng nhận nộp tiền ngày 28/12/2024, nên anh T khởi kiện đòi lại anh Q trả số tiền 49.309.000 đồng. Như vậy, quan hệ pháp luật ở vụ án này được xác định là “Tranh chấp đòi lại tài”, bị đơn là anh T có nơi cư trú tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng theo khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh T, thấy rằng:

Tại phiên toà, bà H (được anh T uỷ quyền) có cung cấp cho Hội đồng xét xử chứng cứ là giấy Chứng nhận nộp tiền ngày 28/12/2024 của Công ty T3 (gọi tắt: Công ty). Bà H xác định giấy Chứng nhận nộp tiền này là anh T nộp trả tiền thay cho anh Q tại Công ty với số tiền 49.309.000 đồng (gốc 46.000.000 đồng, lãi 3.309.000 đồng). Vì năm 2023 anh T có làm thợ hồ cho anh Q, anh Q có nhờ anh T vay tiền cho anh Q ở Công ty số tiền 46.000.000 đồng, anh Q có đóng lãi cho Công ty được 02 tháng, sau đó anh Q không trả gốc và lãi cho Công ty. Đến ngày 21/4/2023 âm lịch, anh Q cùng với mẹ ruột là bà T1 viết giấy nhận nợ của anh T số tiền 46.000.000 đồng. Sau khi anh Q nhận nợ đến nay không trả tiền cho Công ty, anh T phải xuất tiền ra để trả nợ thay cho anh Q tiền gốc 46.000.000 đồng, lãi 3.309.000 đồng, tổng là 49.309.000 đồng. Nay, anh T khởi kiện yêu cầu anh Q trả cho anh T số tiền này. Đối với anh Q và bà T1 vắng mặt. Tại văn bản Xác nhận thông tin về cư trú của Công an xã K cung cấp ngày 22/11/2024, thì anh Huỳnh Văn Q, sinh ngày 20/10/1998 và bà Lê Thị T1, sinh ngày 01/01/1968, đều có nơi thường trú ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau, bà T1 là mẹ của anh Q. Tại phiên toà, bà T1 có mặt, anh Q vắng mặt, bà T1 xác định bà là mẹ ruột anh Q. Bà T1 có nghe anh Q nói có thiếu tiền anh T nhưng không biết số tiền cụ thể là bao nhiêu. Nếu anh Q có nợ tiền anh T thì là nợ riêng của anh T, không có liên quan gì đến bà. Đối với tờ biên nhận ngày 21/4/2023 âm lịch (do anh T cung cấp), sau khi xem xét chữ ký chữ viết của bà T1 và anh Q tại tờ biên nhận này, bà T1 xác định là bà T1 có cùng với anh Q ký tên tờ biên nhận ngày 21/4/2023 âm lịch. Như vậy, đối chiếu quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định, anh Q có nhờ anh T vay tiền giùm cho anh Q tại Công ty T3, đến nay anh Q không trả nợ cho Công ty, anh T đã xuất tiền ra để trả nợ thay cho anh Q số tiền 49.309.000 đồng như tại giấy Chứng nhận nộp tiền ngày 28/12/2024 của Công ty T3, do bà H cung cấp.

Nay, anh T khởi kiện yêu cầu anh Q trả cho anh T số tiền này, là có cơ sở chấp nhận.

Xét, đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp, nên được chấp nhận.

[3] Về án phí:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nên anh T được nhận lại tiền tạm ứng án phí số tiền 1.325.000 đồng.

Đối với anh Q, cần buộc anh Q phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 2.465.450 đồng (49.309.000 đồng x 5%), theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các điều 3, 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:** Các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các điều 3, 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

#### **Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn T.

Buộc anh Huỳnh Văn Q trả cho anh Trần Văn T số tiền 49.309.000 đồng (Bốn mươi chín triệu ba trăm lẻ chín ngàn đồng).

Kể từ ngày anh Trần Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Huỳnh Văn Q không thi hành xong khoản tiền trên, thì anh Huỳnh Văn Q còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

#### 2/ Về án phí:

Anh Trần Văn T được nhận lại tiền án phí số tiền 1.325.000 đồng (Một triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tại Biên lai thu số 0005240 ngày 01/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Buộc anh Huỳnh Văn Q phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 2.465.450 đồng (Hai triệu bốn trăm sáu mươi lăm ngàn bốn trăm năm mươi đồng).

#### 3/ Về quyền kháng cáo:

Anh Trần Văn T và bà Lê Thị T1 được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với anh Huỳnh Văn Q được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự (03b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

**Lâm Thành Quang**